

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 275/2017/HS-PT

Ngày: 19 - 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Anh Phương.

Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 260/2017/HSPT ngày 22/8/2017 đối với bị cáo Nguyễn Sỹ T về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*”. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2017/HSST ngày 14/7/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị kháng nghị.

Họ và tên: Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 217 Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; tôn giáo: Phật giáo; tiền án, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Thành Đ, con bà Đặng Thị T, vợ Mai Thị Ngọc L, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017. Bị cáo được tại ngoại - Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Minh T1, nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Sỹ T đã có giấy phép lái xe ô tô hạng C, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp. T lái xe thuê cho bà Nguyễn Thị L1 và được bà L1 giao chiếc xe ô tô tải biển số 47C-117.10 để chở vật liệu xây dựng. Sáng ngày 14/9/2016, T điều khiển xe ô tô tải biển số 47C-117.10 vào huyện Z lấy cát xây dựng chở về huyện B cho khách. Khi đến xã Y, huyện Z, T gọi điện thoại rủ Trần Minh T1 đi cùng để phụ xe. Khi T đón T1 thì có anh Nguyễn Trí M xin đi cùng. Sau đó, T điều khiển xe ô tô tải nói trên đi đến xã A, huyện B đổ cát cho khách.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đổ cát xong, T nói với T1 “*Lên đi em*”, T1 hiểu ý T là đồng ý để cho T1 lên lái xe vì T biết T1 chưa có giấy phép lái xe và đang muốn học lái xe nên mỗi lần T1 đi phụ xe cùng T, T đã hướng dẫn cách điều khiển xe ô tô cho T1. Vì vậy, T1 lên ngồi ghế tài xế, M ngồi ở ghế phụ còn T lên nằm nghỉ trên giường trong cabin sau ghế tài xế. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe ô tô tải biển số 47C-117.10, đi trên đường vành đai tránh Tây (Đường không ưu tiên) về đến nơi khu vực ngã ba giao nhau giữa đường K với đường L, phường M, thành phố B (Đường ưu tiên), T1 điều khiển xe rẽ phải vào đường K. Do T1 thiếu chú ý quan sát và không nhường đường cho xe mô tô biển số 47AB-009.84 do chị Trịnh Hồng N điều khiển đang lưu thông trên đường L đi vào đường K, theo hướng từ trung tâm thành phố B về hướng Cầu 14, thành phố B, nên đã để phần mặt ngoài dè chắn bùn sau của bánh xe trước, bên trái ô tô tải biển số 47C-117.10 tông vào người chị N làm cả xe máy và người ngã xuống đường, chị N bị bánh xe ngoài của trục bánh xe thứ ba, bên trái (Tính từ trước về sau) của xe ô tô tải biển số 47C-117.10 cán qua đầu, làm chị N tử vong tại chỗ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn tại trước số 04 đường K, phường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là phần đường một chiều, theo hướng từ trung tâm thành phố B (nối dài với đường L) về hướng Cầu 14, được ngăn cách với phần đường ngược chiều bằng dải phân cách bê tông cố định có đặt biển báo và trụ đèn. Tại khu vực giao nhau với đường một chiều vành đai tránh Tây và đường hẻm số 04 đường K cong hình vòng cung sang phải phần đường một chiều.

Phần đường một chiều đường K được trải nhựa bằng phẳng, rộng 11,10m. Tại trước số nhà 04 đường K là đoạn đường thẳng, được trải nhựa bằng phẳng, có vạch sơn trắng phân chia ba làn đường theo hướng cong từ trái qua phải lần lượt là: Làn đường trong cùng bên phải có vạch sơn trắng kẻ đơn đứt quãng nối với vạch sơn trắng kẻ đơn liền trước số nhà 04, làn đường này rộng không đều nhau, tại đoạn cong nhất là 1,5m, gần đến vạch sơn liền rộng là 3m và đến vạch sơn liền rộng 3,55m; hai phần đường còn lại được ngăn cách bằng vạch sơn trắng kẻ đơn đứt quãng, làn đường ở giữa rộng 3,6m, làn đường bên trái rộng 3,95m, mặt đường có vạch kẻ giành cho người đi bộ rộng 0,4m, dài 3m, các vạch cách nhau 0,6m và cách vạch sơn liền 1,40m.

Đường hẻm số 04 K, phường M rộng 8m, là đường cấp phối được rải đá dăm. Trước khi vào nơi giao nhau từ đường một chiều vành đai tránh Tây và đường L, ngăn cách với nhau bằng đảo giao thông vào đường K, bên phải đường một chiều vành đai tránh Tây có đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ “Cấm rẽ trái” và biển báo “Giao nhau với đường ưu tiên”. Có trụ đèn tín hiệu giao thông màu vàng đang hoạt động, bên phải đường L có đặt biển báo chỉ dẫn “Chỗ quay xe” và “Người đi bộ ngang qua đường”, trụ đèn tín hiệu giao thông màu vàng đang ở trạng thái chớp nháy. Tại các đầu dải phân cách cố định thuộc khu vực khoảng trống giao nhau có đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ “Cấm đi ngược chiều”, biển hiệu lệnh “Hướng phải đi vòng chướng ngại vật”. Đoạn đường không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông.

Chọn mép đường bên phải đường một chiều K, phường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo hướng từ trung tâm thành phố B về hướng Cầu 14 làm mép đường chuẩn. Lấy góc trước bên trái số nhà 04 đường K, theo hướng nhìn từ trong nhà ra ngoài đường làm mốc cố định và cách mép đường chuẩn 2,2m.

- Xe mô tô biển số 47AB-009.84 (1), do chị Trịnh Hồng N điều khiển, lưu thông từ đường L về đường K, theo hướng từ Trung tâm thành phố B về hướng Cầu 14. Sau khi xảy ra tai nạn, xe ngã sang bên phải, đầu xe quay về hướng Bắc, đuôi xe quay về hướng Nam. Tâm trục bánh xe trước cách mép đường chuẩn 7,2m. Tâm trục bánh xe sau cách mép đường chuẩn 8,2m và cách điểm gần nhất vạch kẻ đường dành cho người đi bộ về hướng Cầu 14 là 1,1m.

- Xe ô tô tải biển số 47C-117.10 (2), do Trần Minh T1 điều khiển, lưu thông trên đường K cùng chiều với xe mô tô biển số 47AB-009.84. Sau khi xảy ra tai nạn, xe đỗ gần mép đường chuẩn, đầu xe quay về hướng Tây Nam, đuôi xe quay về hướng Đông Bắc. Tâm trục bánh xe trước bên phải cách mép đường chuẩn là 0,6m. Tâm trục bánh xe sau cùng bên phải cách mép đường chuẩn 1m và cách tâm trục bánh xe sau xe mô tô biển số 47AB-009.84 là 33m.

- Nạn nhân tử vong tại hiện trường là nữ giới, năm mươi, đầu quay về hướng Bắc, cách mép đường chuẩn 4,85m, chân quay về hướng Nam, chân phải cách chân trái 0,40m, cách mép đường chuẩn 5,4m và cách tâm trục bánh trước xe (1) là 3,2m, được thân nhân xác định là chị Trịnh Hồng N.

Các dấu vết để lại trên hiện trường:

- Vết xước dài 17m đứt quãng do xe (1) tạo nên trên mặt đường K, đầu vết cách mép đường chuẩn 3,75m và cách đầu dải phân cách về hướng Đông 12,6m, cuối vết nằm dưới đầu gác chân trước bên phải xe (1) ở vị trí cuối cùng.

- Vết chà trượt có kích thước (3,4 x 0,55 x 0,15)m rộng dần theo hướng đi xe (1), đầu vết cách mép đường chuẩn 3,8m và cách đầu vết xước 5,7m về hướng thành phố B, cuối vết cách mép đường chuẩn 4m.

- Vết mô não rải rác kích thước (1,35 x 0,75)m theo hướng đi của xe (1), đầu vết tại cuối vết chà trượt, tâm vết cách mép đường chuẩn 4,15m và cách đầu nạn nhân 2,55m.

- Vết máu tại đầu và hông phải nạn nhân có kích thước (1 x 0,80)m.

Vị trí va chạm được xác định giữa xe (1) và xe (2) tương ứng với mặt đường K, cách mép đường chuẩn 3,2m, cách gốc trụ biển báo chỉ dẫn “Người đi bộ sang ngang” tại góc giao nhau với đường hẻm 04 K là 5,1m, cách đầu vết xước 2m, cách đầu vết chà trượt 7,6m và cách mốc cố định 19,9m.

Tại bản Kết luận pháp y tử thi số 438/PY-T.Th ngày 19/10/2016, của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chị Trịnh Hồng N tử vong do vỡ nát vùng đầu mặt/Tai nạn giao thông.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2017/HSST ngày 14/7/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Sỹ T phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”. Áp dụng khoản 1 Điều 205; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 144/2016/NQ13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa XIII; áp dụng khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Sỹ T cho UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 BLHS; Điều 76 BLTTHS

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp Buôn Ma Thuột trả lại chiếc xe ô tô tải biển số 47C-117.10 cho bà Nguyễn Thị L1 và chiếc xe mô tô biển số 47AB-009.84 cho chị Trịnh Thị Kim Q, là các chủ sở hữu.

Tiếp tục tạm giữ 01 Giấy phép lái xe số 660110799146, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp, mang tên Nguyễn Sỹ T để bảo đảm việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Minh T1, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 11/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-KNPT-P7, đối với bản án sơ thẩm số: 141/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về áp dụng pháp luật và phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Sỹ T, cụ thể:

- Không áp dụng Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 144/2016/NQ13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa XIII mà áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV.

- Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Sỹ T.

- Không áp dụng hình phạt tù, mà áp dụng hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Sỹ T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 BLHS 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Sỹ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-KNPT-P7 ngày 11/8/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Đắk Lắk – Sửa một phần bản án sơ thẩm về việc áp dụng pháp luật và về phần hình phạt đối với bị cáo T.

Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát và chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Sỹ T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận: Mặc dù nhận thức được việc giao phương tiện giao thông cho người không có giấy phép lái xe điều khiển có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội, nhưng với ý thức coi thường pháp luật và Luật giao thông đường bộ, vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/9/2016, Nguyễn Sỹ T dù biết Trần Minh T1 không có giấy phép lái xe, nhưng T vẫn chủ động nói T1 lên xe và giao phương tiện giao thông là xe ô tô tải biển số 47C-117.10 cho T1 điều khiển, còn T ngồi trong cabin sau ghế tài xế. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn ngã ba giao nhau giữa đường K với đường L, phường M, thành phố B, T1 điều khiển xe rẽ phải vào đường K. Nhưng do thiếu chú ý quan sát và không nhường đường cho xe mô tô biển số 47AB-009.84 do chị Trịnh Hồng N điều khiển, T1 đã điều khiển xe tông vào người chị N làm cả xe máy và người ngã xuống đường, chị N bị bánh xe ngoài của trục bánh xe thứ ba, bên trái (Tính từ trước về sau) của xe ô tô tải biển số 47C-

117.10 cán qua đầu, làm chi N tử vong tại chỗ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Sỹ T về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự 1999 (Điều a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự 2015) là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Sỹ T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2017 quy định: “*Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành*”. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 14/7/2017), Nghị quyết số 109 và Nghị quyết số 144 đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng hai Nghị quyết số 109, 144 để áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội đối với bị cáo Nguyễn Sỹ T là không đúng, mà cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo là thiếu sót, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cho bị cáo T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 205 BLHS 1999 về hình phạt đối với tội danh này quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 264 BLHS năm 2015 thì hình phạt áp dụng cho người phạm tội này chỉ quy định hình phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, không quy định hình phạt tù. Song, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm là không phù hợp, bất lợi cho bị cáo. Do đó, cần sửa phần hình phạt bản án sơ thẩm của TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho gia đình người bị hại và được gia đình người bị hại làm đơn bãi nại; gia đình bị cáo có công với cách

mạng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Vì vậy, cần cho bị cáo T tự cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện đang gặp khó khăn, bị cáo không có thu nhập ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm của TAND TP. Buôn Ma Thuột còn tuyên: “Tiếp tục tạm giữ 01 Giấy phép lái xe số 660110799146, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp, mang tên Nguyễn Sỹ T để bảo đảm việc thi hành án” là không cần thiết. Vì vậy cần sửa án sơ thẩm về xử lý vật chứng, tuyên trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe số 660110799146, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp, mang tên Nguyễn Sỹ T.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Sỹ T không phải chịu án phí HSPT.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật, phần hình phạt và xử lý vật chứng đối với bị cáo Nguyễn Sỹ T.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-KNPT-P7 ngày 11/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 141/2017/HSST ngày 14/7/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc áp dụng pháp luật, phần hình phạt và vật chứng.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 205; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ T một năm cải tạo không giam giữ về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Sỹ T cho UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Sỹ T.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS; khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Buôn Ma Thuột trả lại chiếc xe ô tô tải biển số 47C-117.10 cho bà Nguyễn Thị L1 và chiếc xe mô tô biển số 47AB-009.84 cho chị Trịnh Thị Kim Q, là các chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe số 660110799146, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp, mang tên Nguyễn Sỹ T.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Sỹ T không phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- T.H.A hình sự Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Các đương sự tham gia tố tụng khác;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Phụng